

KHẢO CỔ HỌC TRONG CÔNG TÁC BẢO TÀNG

NGUYỄN THỊ HẬU *

Hàng năm tại Hà Nội vào những ngày cuối thu, hội nghị công bố “Những phát hiện mới về Khảo cổ học” do Viện Khảo cổ học tổ chức đã thu hút sự tham gia của đông đảo các nhà quản lý và cán bộ bảo tàng khảo cứu địa phương trong cả nước. Cùng với cán bộ nghiên cứu tại các Viện-Trường thuộc Trung ương, cán bộ bảo tàng địa phương cũng là tác giả, đồng tác giả của những thông báo mới về Khảo cổ học: hoạt động điều tra - khai quật, phát hiện di tích - di vật, những vấn đề mới trong các lĩnh vực của khảo cổ học tiền sử và lịch sử... Nhiều báo cáo có giá trị khoa học và thật sự là những phát hiện mới, góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử văn hoá từng địa phương và cả nước. Có thể nhận thấy, khảo cổ học ngày càng trở thành một công tác không thể thiếu được trong hoạt động của bảo tàng khảo cứu địa phương và loại hình bảo tàng lịch sử. Bài viết này của chúng tôi chủ yếu đề cập đến mối quan hệ giữa khảo cổ học và hai loại hình bảo tàng trên.

1-Trong lịch sử hình thành và phát triển ngành khảo cổ học và hệ thống bảo tàng ở Việt Nam ta dễ dàng nhận thấy có một sự “song hành” thú vị, đều được hình thành từ cuối thế kỷ 19 và cho đến trước năm 1954, hầu như không có sự phân biệt giữa hai ngành này.

Có thể lấy năm 1898 làm mốc ra đời của ngành khảo cổ học Việt Nam với sự thành lập “Ủy ban khảo cổ học Đông Dương”, sau đổi thành “Trường Viễn Đông Bác Cổ” (1900). Đây là cơ quan đóng vai trò chủ yếu trong việc tìm kiếm, thu thập, lưu giữ và nghiên cứu nhiều di tích di vật lịch sử ở Việt Nam và Đông Dương. Bên cạnh đó một cơ quan khác cũng có nhiều đóng góp cho ngành

khảo cổ học và bảo tàng, đó là “Sở địa chất Đông Dương” (1898). Từ đầu thế kỷ 20, đây là hai cơ quan hoạt động khảo cổ mà có nhiều kết quả khai quật và nghiên cứu được công bố trong tạp chí của Trường Viễn Đông Bác Cổ (xuất bản từ 1900). Học giả phương Tây bắt đầu biết đến Việt Nam và Đông Nam Á là một khu vực có nền văn minh độc đáo và ở trình độ cao, chứ không phải là khu vực lạc hậu - chậm tiến như họ vẫn quan niệm. Tuy bảo tàng chưa chính thức ra đời nhưng tại Trường Viễn Đông Bác Cổ và Sở Địa chất Đông Dương, di vật khảo cổ được lưu giữ và có hồ sơ tương đối có hệ thống theo tiêu chí khoa học lúc bấy giờ.

Vào năm 1932, Trường Viễn Đông Bác Cổ trở thành Bảo tàng Louis Finot ở Hà Nội. Nhưng trước đó đã có Bảo tàng Châm ở Đà Nẵng (1918) và Bảo tàng Blanchar De la Brosse tại Sài Gòn (1929). Công cuộc phát hiện và khai quật các nền văn hoá khảo cổ và văn minh nổi tiếng ở Việt Nam và Lào - Campuchia gắn liền với hoạt động của các bảo tàng trên: Văn hoá Hoà Bình-Bắc Sơn-Hạ Long-Bàu Tró-Đông Sơn-Sa Huỳnh... Văn minh Cham pa - Óc Eo - Angkor...

Tuy nhiên, cần phải nhận thấy rằng, các nhà khảo cổ người Pháp không đào tạo người bản xứ làm công tác nghiên cứu khảo cổ hay công tác bảo tàng, mà chủ yếu coi người Việt Nam, Lào hay Campuchia như những người làm thuê hay những công chức đơn thuần. Ngay sau khi giành được nền độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh về bảo vệ di sản văn hoá dân tộc (ngày 24-11-1945) và từ sau năm 1954, một số cơ quan

* Ts, Phó GD Bảo tàng Lịch sử VN
TP.HCM

được thành lập để nghiên cứu bảo vệ các di tích lịch sử. năm 1958, Bảo tàng Louis Finot trở thành Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Đây là nơi tàng trữ những sưu tập hiện vật khảo cổ nổi tiếng và cũng là nơi có nhiều cán bộ bảo tàng - khảo cổ học dày dặn kinh nghiệm. Đội khai quật khảo cổ, rồi Viện Khảo cổ học ra đời, là cơ quan chuyên nghiên cứu và khai quật khảo cổ, đồng thời cũng là cơ quan đầu ngành trong việc phối hợp giúp đỡ bảo tàng các địa phương làm công tác khảo cổ. Thành tựu quan trọng nhất trong giai đoạn này là những kết quả khai quật - nghiên cứu về thời đại đồ đá và thời đại Hùng Vương trên địa bàn miền Bắc Việt Nam.

Năm 1975, khi đất nước hoàn toàn thống nhất, cùng với việc hình thành hệ thống bảo tàng của các tỉnh phía Nam là việc đẩy mạnh công tác khảo cổ, phát hiện khai quật thêm nhiều di tích văn hoá Sa Huỳnh, văn hoá Óc Eo được nghiên cứu có hệ thống hơn. Khảo niệm, nội dung văn hoá Đông Nai ngày càng được làm sáng tỏ, phát hiện thêm nhiều văn hoá khảo cổ mới ở Tây Nguyên (văn hoá Biển Hồ), ở miền Trung (văn hoá Xóm Cồn), ở Đông Nam bộ (văn hoá Giồng Phệt...). Có thể nói, có được các thành tựu trên, ngoài vai trò quan trọng của Viện Khảo cổ học - Viện Bảo tàng Lịch sử và khoa Sử - Đại học Tổng hợp Hà Nội, không thể phủ nhận vai trò chủ động, tích cực của bảo tàng các địa phương trong việc khảo sát, phát hiện, lập kế hoạch và tiến hành khai quật. Đặc biệt, bên cạnh việc định hướng nghiên cứu theo từng giai đoạn, nhiều bảo tàng đã kịp thời trưng bày các di vật mới phát hiện, phục vụ và tạo điều kiện cho đông đảo khách tham quan trong và ngoài nước biết đến những thành tựu mới của khảo cổ học Việt Nam, góp phần tích cực tuyên truyền về lịch sử - văn hoá dân tộc. Ngoài ra, các bảo tàng còn phối hợp chặt chẽ với ngành khảo cổ học trong việc bảo tồn, trùng tu các di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia và các di sản văn hoá thế giới. Huế - Hội An - Mỹ Sơn là những minh chứng sinh động.

Hiện nay trong các bảo tàng khảo cứu địa phương đều có cán bộ làm công tác khảo cổ. Hầu hết được đào tạo từ khoa Sử - Đại học tổng hợp Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (nay là 2 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và TP Hồ Chí Minh), một số khác tốt nghiệp Khoa Bảo tồn Bảo tàng của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội và Cao đẳng Văn hoá TP Hồ Chí Minh. do yêu cầu công tác, hầu như cán bộ khảo cổ ở bảo tàng không thể chuyên sâu mà phải quan tâm đến nhiều lĩnh vực thuộc khảo cổ học, sử học, dân tộc học... Tuy nhiên, họ đều có những kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về các nền văn hoá khảo cổ tại địa phương. Sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên nghiên cứu về khảo cổ ở Trung ương với các bảo tàng địa phương đã tạo nên mạng lưới hoạt động khảo cổ học, nhờ đó nhiều di tích di vật được phát hiện và bảo vệ kịp thời, tránh sự huỷ hoại của con người và thiên nhiên.

Không chỉ ở Việt Nam mà trên thế giới, sự phát triển của Khảo cổ học và quá trình hình thành hệ thống bảo tàng cũng có sự "song hành" như vậy. Đó là vì khảo cổ học và bảo tàng đều quan tâm đến cùng một đối tượng: cổ vật. Mục đích quan tâm đến "cổ vật" trong mỗi giai đoạn cũng giống nhau: giai đoạn thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 20, các cuộc khai quật khảo cổ thực chất là đào bới tìm kiếm cổ vật, những cổ vật đó được trưng bày tại bảo tàng vì "sự quý hiếm" và vì "giá trị" (kinh tế) cao. Từ giữa thế kỷ 20 đến nay, mục đích của khảo cổ và bảo tàng không chỉ là tìm kiếm, lưu giữ cổ vật "vì nó", mà quan trọng hơn, "qua nó" để hiểu biết về lịch sử - văn hoá của xã hội loài người. Mối quan hệ giữa khảo cổ học và bảo tàng ngày càng gắn bó mật thiết bởi một mục đích chung: Khôi phục mọi mặt đời sống của loài người trong quá khứ.

2- Không chỉ cùng chung mục đích và đối tượng nghiên cứu, mà trong các khâu công tác của bảo tàng, nhiều phương pháp nghiên cứu của khảo cổ học được ứng dụng, góp phần quan trọng cho hoạt động

của bảo tàng đạt được mục đích lâu dài và những mục tiêu trước mắt.

2.1- *Công tác sưu tầm*: Đây là khâu công tác có vị trí đặc biệt, vì nó gắn liền với sự hình thành và phát triển của bảo tàng. Công tác sưu tầm tạo cơ sở cho sự hoạt động của kho kiểm kê - bảo quản, của trưng bày - tuyên truyền và nghiên cứu khoa học. Công tác sưu tầm không thể là sự "góp nhặt" ngẫu nhiên, "thu lượm" chỉ để đạt một số lượng hiện vật nào đó, mà quan trọng hơn là chất lượng của hiện vật: phải sưu tầm được hiện vật gốc phù hợp với tính chất của từng bảo tàng, đồng thời giá trị của hiện vật được phát huy qua các mặt hoạt động của bảo tàng, *tức là hiện vật gốc phải trở thành hiện vật bảo tàng*. Chính vì vậy công tác này còn được gọi là "công tác nghiên cứu - sưu tầm" với ý nghĩa: Nghiên cứu để sưu tầm được hiện vật gốc và nghiên cứu để xác định giá trị khoa học lịch sử, hoàn chỉnh hồ sơ khoa học và pháp lý của hiện vật bảo tàng.

Đối với các bảo tàng khảo cứu địa phương và loại hình bảo tàng lịch sử - xã hội, hiện vật gốc thường có liên quan trực tiếp (hoặc gián tiếp) đến các di tích, sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử. Để sưu tầm được nguồn hiện vật gốc này, có nhiều phương pháp, trong đó phổ biến và đạt hiệu quả cao là phương pháp điều tra - sưu tầm tại thực địa (trong khảo cổ học là điều tra - khai quật khảo cổ). Mục đích của phương pháp này là nhằm phát hiện và sưu tầm hiện vật ngay tại gốc; có thể là tại một di tích khảo cổ học, di tích lịch sử - văn hoá nào đó, thậm chí chỉ là nơi lưu giữ hiện vật... Công tác này giúp cho việc bảo vệ di tích di vật kịp thời, tránh được sự huỷ hoại do thiên nhiên hay con người. Trong những nơi chứa đựng di vật kể trên thì các di tích khảo cổ học - gồm các loại hình di chỉ cư trú, di chỉ chế tác công cụ, mộ táng, kiến trúc, thành cổ... có niên đại suốt từ thời tiền sử đến các thời kỳ lịch sử sau này - là nơi cung cấp những hiện vật gốc có giá trị khoa học cao. Bằng phương pháp đặc thù: điềm dã, thám sát

- khai quật, khảo cổ học "đọc" được khá nhiều thông tin từ/về những di tích - di vật trong lòng đất: loại hình di tích, niên đại, mối quan hệ đồng đại và lịch đại... Di vật trong di tích gồm những loại nào, chất liệu, tên gọi ra sao, công dụng, chức năng, ý nghĩa của nó là gì... Có thể nói, hầu hết di vật tìm thấy trong di tích khảo cổ đều có đủ yếu tố để trở thành hiện vật bảo tàng. (Tất nhiên, để hiện vật khảo cổ được đưa ra trưng bày, cần có một quá trình xử lý sau khai quật, mà chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau). Khai quật khảo cổ là hành động duy nhất không thể lặp lại vì, đồng thời với việc "giở từng trang sách trong lòng đất", cuốn sách đó cũng bị phá huỷ trên thực tế. Thông tin mà nó cung cấp chỉ còn lưu lại ở ghi chép, ảnh chụp, bản vẽ... của cán bộ khảo cổ. Điều này đòi hỏi người làm công tác khai quật khảo cổ phải nghiên cứu kỹ và chi tiết về những gì có liên quan đến di tích trước khi khai quật. Trong quá trình khai quật phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản và những nguyên tắc riêng của từng loại hình di tích. Đặc biệt không thể nóng vội - chủ quan trong khai quật và nhận định về di tích, càng không thể đánh giá kết quả khai quật chỉ bằng số lượng hiện vật quý giá được tìm thấy.

Điều này cũng có thể áp dụng cho những đợt điều tra sưu tầm loại hình hiện vật khác. Mỗi đợt công tác như vậy có khi sưu tầm được ít, thậm chí không sưu tầm được gì. Nhưng nếu cán bộ sưu tầm thật sự có năng lực chuyên môn và có sự chuẩn bị nghiêm túc thì kiến thức mà cán bộ sưu tầm thu lượm được rất phong phú và có giá trị, không thể tính bằng tiền được. Đó chính là những kiến thức về văn hoá phi vật thể tiềm ẩn trong đời sống, giúp chúng ta hiểu rõ hơn những giá trị văn hoá vật thể hiện hữu. Ví dụ: một đợt sưu tầm hiện vật về một sự kiện lịch sử tại địa phương. Số lượng "vật chứng" của sự kiện đó còn lại rất ít, song những ký ức của nhân chứng, cảnh quan di tích, điều kiện nảy sinh - quá trình phát triển của sự kiện ... là những tài liệu khoa học quý giá, mà nếu không có nó thì những

“vật chúng” cũng chỉ là “bộ xương”, thiếu hẳn phần “da, thịt” sinh động cho ta hiểu biết cụ thể, toàn diện và đúng đắn về sự kiện. Hay là một ví dụ khác: sưu tầm hiện vật dân tộc học mà không có điều kiện tìm hiểu xem dân tộc đó làm ra đồ vật đó thế nào, bằng chất liệu gì (nguyên liệu được xử lý thế nào), cách sử dụng ra sao, có những chức năng gì, chức năng nào là chính, tên gọi hiện vật của dân tộc đó, hiện vật này dân tộc khác có sử dụng không, hình thức - chức năng có khác nhau không... Những thông tin này có được khi cán bộ sưu tầm quan sát tìm hiểu qua sinh hoạt của nhân dân (chứ không phải chỉ qua những “đầu mối” cung cấp hiện vật!). Quan trọng là cán bộ sưu tầm tích lũy được kiến thức thực tế để phân biệt đồ thật - đồ giả, đồ mới - đồ cũ. “Đi đi - lại lại, hỏi đi - hỏi lại, xem đi - xem lại”, nguyên tắc này không chỉ mang lại kết quả cho việc điều tra khai quật và nghiên cứu hiện vật khảo cổ mà cho cả việc sưu tầm loại hình hiện vật khác.

Nói như vậy không có nghĩa là kết quả một đợt điều tra sưu tầm chỉ là kiến thức mới mà cán bộ học tập được. Mục đích điều tra sưu tầm của bảo tàng là có được hiện vật bảo tàng. Muốn đạt kết quả tốt thì trước mỗi đợt khai quật phải có kế hoạch rõ ràng, cụ thể: cần sưu tầm loại hình hiện vật nào, ở đâu, phương thức thế nào, kinh phí bao nhiêu... Không thể quên việc liên hệ với địa phương nơi mình định đến (nhờ cán bộ bảo tàng, cán bộ văn hoá địa phương giúp đỡ...). Cán bộ đi sưu tầm còn có nhiệm vụ tạo quan hệ hợp tác giúp đỡ lâu dài giữa hai địa phương, hai cơ quan. Nếu mối quan hệ này được thiết lập và duy trì tốt đẹp thì chắc chắn, công tác sưu tầm sẽ đạt kết quả như mong muốn. Cũng như trong mỗi đợt khai quật khảo cổ, cán bộ khảo cổ tuyên truyền cho nhân dân hiểu được ý nghĩa của di tích khảo cổ, giá trị lịch sử của các di vật... nhờ đó mà nhân dân đã phát hiện và giúp bảo vệ nhiều di tích - di vật. Quan điểm quần chúng, tác phong dân vận là biện pháp sưu tầm rất hữu hiệu, nhiều khi đạt được

những kết quả tốt ngoài dự kiến.

Tất cả các biện pháp trên là nhằm bảo đảm về giá trị và lý lịch của hiện vật, được thể hiện trên hồ sơ khoa học và hồ sơ pháp lý mà cán bộ sưu tầm giao lại cho kho kiểm kê - bảo quản. Cách ghi chép và nội dung khai thác hiện vật thể hiện trình độ chuyên môn của cán bộ sưu tầm.

2.2- Công tác kiểm kê - bảo quản: Nói đến bảo tàng là nói đến hiện vật gốc. Để đáp ứng các nhiệm vụ quan trọng của bảo tàng thì phải có một số lượng hiện vật gốc nhất định và ngày càng được bổ sung cho phong phú và đầy đủ. Nói một cách khái quát, công tác kiểm kê - bảo quản hiện vật của kho bảo tàng nhằm nghiên cứu sắp xếp các hiện vật, sưu tập hiện vật một cách khoa học, bảo quản và bảo vệ hiện vật lâu dài.

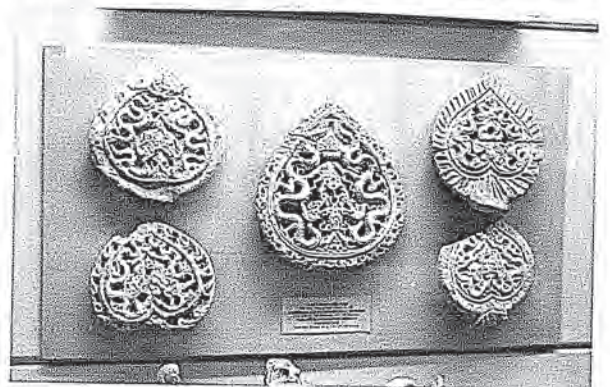
Trong các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học, sau giai đoạn điều tra - khai quật là giai đoạn “chỉnh lý tài liệu” nhằm cung cấp những nhận thức khoa học từ các sử liệu vật thật. Một số công việc sau có thể áp dụng phục vụ kiểm kê, hệ thống và biên mục khoa học các hiện vật bảo tàng:

Xử lý, miêu tả hiện vật.

Hệ thống phân loại hiện vật.

Nghiên cứu chỉnh lý hiện vật.

Đối với các hiện vật khảo cổ học do tồn tại rất lâu trong lòng đất nên cần phải tiến



Gốm cổ - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
Ảnh: Hải Ninh

hành làm sạch hiện vật, khôi phục hình dáng, xác định công dụng... Việc làm sạch, bảo quản và phục dựng hiện vật là nhiệm vụ quan trọng, để hiện vật khảo cổ phục hồi tính thẩm mỹ phù hợp cho trưng bày. Về nguyên tắc bảo tàng phải có xưởng bảo quản phục chế hiện vật, thực hiện các khâu kỹ thuật từ đơn giản đến phức tạp để bảo quản bước đầu và lâu dài hiện vật bảo tàng. Với từng chất liệu có cách xử lý riêng bằng kỹ thuật hoá - lý, hiện vật bị hư hỏng do nhiều nguyên nhân khác nhau... vì vậy phải có phương pháp bảo quản thích hợp, nhưng cần lưu ý, có phương pháp thích hợp với hiện vật này nhưng không thích hợp, thậm chí có hại cho hiện vật khác. Khi đưa hiện vật khảo cổ về đến kho bảo tàng, nếu chưa có điều kiện bảo quản tại kho có nhiệt độ thấp thì trước hết đồ gốm, đồng, sắt phải để nơi khô ráo, còn hiện vật hữu cơ (vốn còn ẩm) phải để nơi có độ ẩm thích hợp. Như vậy có thể giảm được sự hư hỏng. Một số biện pháp cụ thể:

- Đồ gốm: mảnh gốm cần được rửa sạch cẩn thận và phơi khô. Sau đó có thể cho vào nước (không ngâm) dùng bàn chải mềm nhẹ nhàng rửa sạch. Lưu ý: nếu là loại gốm xương bò, độ nung thấp hoặc có tô màu thì không được nhúng vào nước mà dùng bút lông nhúng nước để làm sạch hiện vật. phơi gốm đã làm sạch ở chỗ mát, những mảnh có

khả năng vỡ vụn hay sập vỡ được củng cố ngay bằng Axetat xenlulo pha loãng trong Axeton. Phục dựng đồ gốm chủ yếu là ghép các mảnh gốm vỡ, chỗ vỡ được làm sạch, đánh dấu chỗ ghép nối (bằng bút chì, bằng dính), dùng keo gắn các mảnh vỡ theo vị trí từ đáy lên miệng đồ gốm. Nếu chất keo có loang ra khỏi vết gắn chấp, ta để khô rồi lột nhẹ. Muốn cố định những mảnh đã ghép thì cắm chúng vào khay hay chậu cát mịn.

Khi các mảnh của một đồ gốm đã được gắn chấp, nếu còn chỗ thiếu có thể dùng thạch cao (gân giống màu gốm) bổ sung vào để hoàn chỉnh hình dáng, nâng cao tính thẩm mỹ của hiện vật, đồng thời giữ cho hiện vật chắc chắn hơn.

- Đồ đồng: bằng phương pháp phản tích quang phổ ta biết được thành phần hợp kim đồng. Bản thân hiện vật đồng thường có màu xanh lục, đây là lớp oxit đồng tự bảo vệ đồ đồng khỏi hư hại thêm. Nếu có điều kiện nên quét sáp hoặc dầu bóng để hạn chế sự phân huỷ của lớp oxit này.

- Đồ sắt: đồ sắt cổ rất dễ hư hỏng do tính chất oxyt mạnh. Làm sạch rỉ sắt bằng phương pháp cơ học hiện nay là phổ biến, tuy mất nhiều thời gian nhưng có thể kiểm tra được độ hư hỏng của hiện vật. Sau khi (tương đối) sạch rỉ, do chưa có điều kiện bảo quản bằng phương pháp hiện đại nên hiện nay chủ yếu là dùng dầu nhớt quét một lớp mỏng lên hiện vật hoặc nhúng vào sáp paraffin. Bảo quản đồng và sắt nơi khô ráo.

Phục chế hiện vật đồng, sắt bằng keo và gắn chấp, không thể dùng thạch cao đắp vào chỗ thiếu. Thực tế hiện vật đồng, sắt hay bị gãy vỡ thành mảnh lớn, khi khai quật nếu cẩn thận sẽ thu lượm được đầy đủ.

- Đồ bạc và vàng: đồ vật bằng bạc tìm thấy trong các di tích khảo cổ thường thấy màu xám đen của clorit bạc do sự kết hợp với clo trong lòng đất. Lớp áo này khá chắc chắn nhưng có thể tẩy sạch bằng bàn chải mềm.



Nghệ - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
Ảnh: Hải Ninh

Hiện vật bằng vàng hầu như không bị hư hỏng, chỉ cần làm sạch là đủ.

- Đồ thủy tinh: để lâu trong lòng đất, thủy tinh cổ bị ăn mòn nên bề mặt có màu óng ánh. Nếu lớp màu này có khuynh hướng tróc ra, hoặc do thủy tinh chất lượng kém mà bị rã thành dạng sợi, cần dùng axêton để gia cố.

- Đồ gỗ: khi gỗ bị ra ngoài không khí thì các tế bào gỗ chứa đầy nước bắt đầu bị huỷ hoại, gỗ bị khô và tất yếu sẽ nứt vỡ, cong vênh. Vì vậy, trong khi chưa đủ điều kiện để bảo quản gỗ, nhất là những hiện vật lớn - bằng phương tiện tốn kém (ngâm hoặc phun poly-ethylenlyco PEG hoặc dung dịch đường bão hoà 70%), một cách bảo quản gỗ có hiệu quả là xử lý và ngâm tẩm gỗ bằng dầu Rái (dầu cây Rái) mà dân gian vẫn dùng để bảo vệ, bảo quản ghe thuyền, cột nhà sàn...

Đây là một số biện pháp bảo quản hiện vật khảo cổ mà cán bộ tại các bảo tàng đã thực hiện ở những mức độ khác nhau. Trong điều kiện khí hậu nóng ẩm của Việt Nam, di vật khảo cổ cần được bảo quản trong kho một cách hợp lý. Tuy nhiên, hiện nay trong phần lớn bảo tàng địa phương, trừ hiện vật kim loại, vải, giấy... được bảo quản trong kho có điều kiện khá tốt (máy lạnh, máy hút ẩm) còn lại đồ đá và đồ gốm tiền sử hầu như chỉ bảo quản tại các ngăn - kệ - tủ không được che chắn và trong nhiệt độ, không khí bình thường. Đành rằng, đây là hai chất liệu khá bền vững song không phải không bị hư hại do ẩm mốc, do bụi... những mảnh gốm màu sẽ bị bay màu, bụi bám làm mờ dần những nét hoa văn, đồ đá tiếp tục bị phong hoá... Nhưng có lẽ ngoài lý do khó khăn về điều kiện vật chất, phải chăng vì số lượng nhiều và hình thức không được “đẹp” nên hiện vật gốm và đá tiền sử ít được coi là có “giá trị” và do vậy, ít được sự quan tâm?

2.3- Công tác trưng bày - tuyên truyền: “Các di sản văn hoá tự nó không có ý nghĩa gì, nếu chúng ta không tổ chức trưng bày tuyên truyền để quần chúng tham quan

hiểu biết về nó. Bảo tàng là một cơ sở giáo dục văn hoá và nâng cao kiến thức cho quần chúng nhân dân”. Do vậy, trưng bày - tuyên truyền được coi là bộ mặt của bảo tàng, mọi khâu công tác nghiên cứu được thể hiện qua hiệu quả của công tác trưng bày.

Đối với thành tựu nghiên cứu về khảo cổ học ở các địa phương, tại các bảo tàng đều có phòng trưng bày về thời tiền - sơ sử, chủ yếu trưng bày các công cụ đá, mảnh gốm, một số hình ảnh - bản vẽ... Do vậy, sự hấp dẫn của phòng trưng bày cũng bị hạn chế phần nào, chưa kể là không cung cấp cho người xem sự hiểu biết chính xác về sinh hoạt của con người tiền - sơ sử. Nếu tận dụng được các kết quả nghiên cứu, điển dã, thực nghiệm của khảo cổ học thì hiện vật trưng bày sẽ có một “bộ mặt mới” mà vẫn không làm giảm giá trị của hiện vật gốc. Ví dụ: gắn chấp, phục dựng đồ gốm, nhất là những mảnh gốm có hoa văn, để người xem hiểu biết không chỉ về loại hình, công dụng mà còn về trình độ kỹ thuật, trình độ thẩm mỹ của người xưa. Đồ gốm được các nhà khảo cổ coi là “chữ cái trong tầng văn hoá”, chính vì vậy thu lượm hàng vạn mảnh gốm tại di tích khảo cổ học không phải là việc làm vô bổ, vì từ đó qua chỉnh lý phục dựng sẽ có được hàng chục tiêu bản tương đối hoàn thiện phục vụ cho trưng bày. Tất nhiên đây là việc làm lâu dài, đòi hỏi sự hiểu biết và kiên trì của cán bộ bảo tàng.

Đối với công cụ đá cũng vậy, nếu được hoàn chỉnh bằng cách lắp cán (gỗ, tre...) thì tên gọi “rìu đá, cuốc đá” trở nên sinh động, và chức năng cũng rõ ràng hơn, tức là cung cấp cho người xem hiểu biết cụ thể và chính xác về chức năng, cách sử dụng các công cụ lao động sản xuất của con người thời tiền sử.

Ngoài ra, những đồ trang sức (hạt, chuỗi đá, vỏ ốc, vòng đeo) nếu được minh họa các kỹ thuật sản xuất ra chúng bằng hình ảnh, bản vẽ thì chúng trở nên đẹp hơn rất nhiều trong nhận thức của những người tham quan.

Hiện nay ở Việt Nam, phục dựng mô

hình cảnh quan và sinh hoạt của người xưa là điều mà nhiều bảo tàng mong muốn nhưng chưa thể thực hiện được. Trong hoàn cảnh cụ thể, nếu phục dựng lại một phần hồ khai quật (tầng văn hoá, vị trí hiện vật...) của một di tích quan trọng nào đó, cũng là một phương pháp làm cho trung bày thoát khỏi sự khô khan nhằm chán, đồng thời giúp khách tham quan liên hệ đến những hiện tượng mà họ đã gặp trong thực tế như khi làm ruộng, rẫy, đào kênh mương... gặp phải những lớp gốm cổ, cấu trúc mộ cổ, cọc nhà sàn... Qua đó, họ sẽ cung cấp cho cán bộ bảo tàng những phát hiện đó. Trưng bày - tuyên truyền về kiến thức và để bảo vệ di tích - di vật là mục đích của hoạt động bảo tàng.

Không chỉ đối với hiện vật khảo cổ thời tiền - sơ sử, hiện vật khảo cổ lịch sử cũng thường có hình thức "xấu xí", không nguyên vẹn. Đây cũng là một điều tất nhiên vì những gì hư hỏng không sử dụng được nữa con người mới vứt bỏ đi, hoặc do để quá lâu trong lòng đất cũng bị huỷ hoại... vì vậy cần lưu ý về phương tiện trưng bày sao cho xứng đáng với giá trị lịch sử và khoa học của hiện vật, không nên chỉ chú ý đến hiện vật còn nguyên vẹn hay quý giá. Giá trị tiền tệ ngày nay của hiện vật không thể được hiểu và coi là giá trị để đánh giá các nền văn hoá đã qua mà giá trị của hiện vật là ở chỗ nó cung cấp cho chúng ta những kiến thức gì về nền văn hoá đó. Điều này phụ thuộc vào kinh nghiệm, kiến thức của người nghiên cứu và phụ thuộc vào cách thể hiện qua trưng bày tại bảo tàng.

2.4- Công tác nghiên cứu khoa học: tất cả các khâu công tác trên đều gắn liền với việc nghiên cứu khoa học. Vì vậy, trên thực tế khảo cổ học đã tham gia vào công tác nghiên cứu ứng dụng trong bảo tàng. Ngoài ra kết quả của một số công việc cụ thể trong nghiên cứu khảo cổ học cũng cần thiết được xem như những đề tài khoa học.

- Hoàn thành báo cáo khai quật. Kết quả của điều tra khai quật khảo cổ, việc xử lý,

chỉnh lý hiện vật... được tổng hợp trong báo cáo khai quật. Phải có quá trình làm việc nghiêm túc, cẩn thận, khách quan mới có một bản báo cáo phản ánh tương đối toàn diện, trung thực, đầy đủ, chính xác hiện trạng di tích khảo cổ học và di vật của nó. Mục đích là để sau này hoặc những người nghiên cứu không có điều kiện trực tiếp khai quật khi tham khảo báo cáo khai quật có thể hiểu rõ, nắm vững về di tích đó. Thông thường, từ lúc kết thúc khai quật đến khi hoàn thành báo cáo cần có một khoảng thời gian và điều kiện vật chất nhất định, để có được các số liệu, thống kê so sánh, các bản vẽ, nghiên cứu thêm các tài liệu để có những nhận xét, đánh giá. Nhưng cần thiết phải đặt ra được vấn đề khoa học từ kết quả khai quật di tích, để định hướng nghiên cứu tiếp tục, gợi mở thêm những vấn đề mới.

Từ báo cáo khai quật cũng có thể đã rút ra kết luận về một vấn đề, sự kiện lịch sử (thường là vấn đề nhỏ về quy mô, về giới hạn không thời gian...), nhưng giá trị của báo cáo khai quật là tập hợp được tài liệu, bước đầu để xuất những ý kiến, giả thuyết góp phần vào việc nghiên cứu tổng hợp. Vì vậy, các nhà khảo cổ thường tiếp tục nghiên cứu một số vấn đề của những di tích đã được khai quật. Nếu cho rằng viết xong báo cáo khai quật là không còn gì để nói, thì kết quả ấy sẽ chỉ mang lại cho người nghiên cứu sự hiểu biết nông cạn, hời hợt, thậm chí sẽ dẫn đến sự sai lầm trong quá trình nghiên cứu về sau.

Để phục vụ kịp thời cho hoạt động của bảo tàng cũng như kịp thông tin đến giới khoa học và quần chúng, trước khi hoàn thành báo cáo khai quật cần thiết phải có bài báo cáo ngắn dạng "thông báo những phát hiện mới về khảo cổ học". Tuy là báo cáo bước đầu nhưng cũng cần nêu những vấn đề trung tâm, những điểm mới và đánh giá sơ bộ. Đây là tài liệu hữu ích cho công tác kiểm kê - bảo quản trong việc xây dựng sưu tập hiện vật (theo chất liệu hoặc theo đề tài), cho công việc xây dựng đề cương trưng bày và biên

soạn tài liệu thuyết minh.

Hiện nay tại nhiều bảo tàng, sau giai đoạn khai quật, thời gian hoàn thành báo cáo khai quật thường kéo dài (có khi đến 2-3 năm). Kết quả khai quật chỉ ở dạng bài thông báo. Điều này có nguyên nhân của nó:

+ Do kinh phí hạn hẹp nên cuộc khai quật được coi là kết thúc khi xử lý xong các hố khai quật, mà lẽ ra phải là khi xử lý xong hiện vật mang lên từ hố khai quật (thống kê, phân loại, vẽ, dập hoa văn, gắn chắp sơ bộ...). Thời gian xử lý hiện vật tại hiện trường thường kéo dài hơn thời gian xử lý hố khai quật nên tốn kém về kinh phí và nhân lực, vì vậy giai đoạn này thường phải ngưng lại, chờ mang về bảo tàng làm tiếp.

+ Ở hầu hết các bảo tàng không có cán bộ chuyên sâu về khảo cổ học mà phải kiêm nhiều nhiệm vụ khác, công việc hàng ngày tại bảo tàng rất nhiều nên khó có thời gian để chỉnh lý cẩn thận số hiện vật mang về, nhất là đồ gốm. Việc chỉnh lý hiện vật cũng cần phải có sự thảo luận của tập thể như khi đang khai quật, mà tại bảo tàng việc tập hợp lực lượng cán bộ khai quật là rất khó. Vì vậy chưa đủ kết quả để viết báo cáo khai quật.

+ Ngoài ra, đánh giá một báo cáo khai quật đúng với giá trị khoa học và công sức cán bộ bỏ ra cũng sẽ là nguồn động viên lớn để họ hoàn thành nhiệm vụ.



Một góc phần trung bày ngoài trời
Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
Ảnh: Hải Ninh

- Hiện nay, việc lập “Ngân hàng dữ kiện địa điểm và hiện vật khảo cổ” là một nhu cầu cấp thiết, cần phải được coi là một “công trình khoa học” như việc lập chương trình dữ liệu vi tính cho kho bảo quản hay cho hệ thống trưng bày. Chương trình này phục vụ cho nhiều công việc cụ thể cũng như những công trình lớn. Ngoài ra còn là điều kiện để trao đổi thông tin, giúp cho việc nghiên cứu của bảo tàng ngày càng cập nhật và đúng hướng.

3-Tiềm năng của khảo cổ học Việt Nam có thể được coi là vô tận:

Từ đồng bằng đến miền núi, từ đất liền ra hải đảo, và cả ở vùng biển đông - trực giao thông chính của mọi thời đại. Nguồn cổ vật, do vậy cũng rất phong phú, đa dạng. Nhiều ngành khảo cổ học mới ra đời như khảo cổ học dưới nước, khảo cổ học công nghiệp, khảo cổ học đô thị... Nhu cầu đào tạo cán bộ khảo cổ vẫn phải được nhà nước cho phép và phải do cán bộ ở viện, trường, bảo tàng đảm trách. Đây là một ưu thế đặc biệt của các bảo tàng nhà nước so với các bảo tàng tư nhân để có được những sưu tập hiện vật gốc quý giá, đồng thời, cũng đòi hỏi trình độ cán bộ khảo cổ phải ngày càng được nâng cao. Có như vậy mới đáp ứng được sự phát triển của ngành khảo cổ học Việt Nam và đáp ứng nhu cầu liên kết hợp tác với giới khảo cổ học quốc tế.

Tháng 8-2002

N.TH

Tài liệu tham khảo

1- Andreas Reinecke. Hành trình vào khảo cổ học Việt Nam. Linden - Soft - Verl, 1998 (song ngữ Việt - Đức).

2- Bộ Văn hoá Thông tin. Tài liệu hướng dẫn ôn thi bảo tàng viên chính. Hà Nội.2000

3- Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn - Diệp Đình Hoa: Cơ sở khảo cổ học. NXB ĐH&THCN, Hà Nội, 1978.